

Heavy

# SMOOTH OB

**Mô hình khép kín**

SMOOTH là có khả năng bảo vệ ESD, có thể giặt ở nhiệt độ 30 C và có thể khử trùng bằng tia cực tím. Giày có độ bám cao và không chứa kim l

| | |
|---|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn | EVA mở rộng |
| lót bên trong | SAU ĐÓ |
| trong | SAU ĐÓ |
| ngoài | Cao su (NBR) |
| i Loạ | OB / SR, FO, HRO, A, E, ESD |
| Phạm vi kích thước | EU 34-47 / UK 2.0-12.0 / US 2.5-13.0<br>JPN 21.0-31 / KOR 225-310 |
| ng lượng thép | 0.220 kg |
| ản hồi chu | EN ISO 20347:2022+A1:2024<br>ASTM F2892:2024 |



3.39 kg

BLK



EGN



EBL



FUX



LIC



NAV

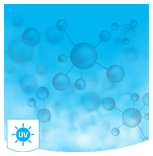


WHT



**Dung** dịch chống thấm hợp vệ **sinh**

Giày này được làm bằng vật liệu không thấm nước, kháng kỳ [illegible] các ứng dụng trong môi làm [illegible] ạch hoặc hướng dẫn bệnh nhân đi tắm.



Khử **trùng** bằng **hóa** chất **& tia** cực **tím**

Giày này có thể được khử trùng bằng hóa chất và tia cực tím.



X

ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn [illegible] 00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



iặt ở [illegible] ể g

Những đôi giày này có thể được [illegible] g

**Công** nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sốcupốẩm m &gĐ

ường: **Môi** t
rư ờn **môi**khô, Bề mặt cự cmịnờn, **môi**ẩm ư ớt

**Cac** hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cáphủ hàn hiệ Khôngtrên lò s

K

| | Sự **miêu** t ả | **EN ISO 20347** | ế t ả | ơn vị u | **đo** l | Đ ờn g q |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Nhữ n g vật l iệu **EVA** m ở r ộ n g **cao** cấp h ơn | | | | | | |
| | Top: khả năng ư ấm ớ h ơ | ? 0.8 | | N/A | iờ | mg/cm/g |
| | Top: hi ệ u ố h ơ | ? 15 | | N/A | | mg/cm2 |
| **ót bên trong** | **SAU ĐÓ** | | | | | |
| | L ớp **lót:** ư ấm ớ h ơ | ? 2 | | N/A | iờ | mg/cm/g |
| | **lót:** hi ệ u ố h ơ | ? 20 | | N/A | | mg/cm2 |
| **rong** Đ | **SAU ĐÓ** | | | | | |
| ệ m chân Đ | ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt ) (chu kỳ) | 25600/12800 | | 25600/12800 | | chu kỳ |
| **goài** Đ | **Cao su (NBR)** | | | | | |
| | Ch ố ả ưởng ế ngoài ( mài mòn) | ? 150 | | 149 | | mm |
| | Chư ố ợt t gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t | ? 0.31 | | 0.48 | | ma sát |
| rư | Cột cố ợt bằng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t | ? 0.36 | | 0.53 | | ma sát |
| rư | Cột SR ợt G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t | ? 0.19 | | 0.3 | | ma sát |
| | Chư ố ợt SR G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t | ? 0.22 | | 0.32 | | ma sát |
| ị ch | ố Giá t g tĩnh điệ n | 0.1 - 1000 | | 628.1 | | megaohm |
| ị ESD | Giá t | 0.1 - 100 | | 1.3 | | megaohm |
| | Hấp thụ năng l ượ gót chân c ủ | ? 20 | | 36 | | J |

kích thước thép: 42

a chúng tôi Đ ợc có ế thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản của chúng tôi.

**hân sinh** thái:

| | Sự **miêu** t ả | ế t ả | ơn vị u | **đo** l | Đ ờn g q |
|---|---|---|---|---|---|
| i **CO** **hát** thả | | | | | |
| | V ật l iệu | | 1.14 | | kg |
| | Bao bì | | 0.10 | | kg |
| ất | Sản x u | | 1.90 | | kg |
| | Chuyên ch ở | | 0.26 | | kg |
| | | | | **3.39 kg CO2/** cặp | |

| | Sự **miêu** t ả | ế t ả | K u | q |
|---|---|---|---|---|
| ệ vật l | Tiệ **tái** ch ế | | | |
| | Product | | 0% | |
| | Bao bì | | 98% | |

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán